TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 30-5-2022.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN - TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Thiện Phong

Ông Lê Văn Thuyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST–HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1981. Địa chỉ: ẤpTl, xã L, huyện H, tỉnh B. Văng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: ẤpTl, xã L, huyện H, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2021 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà Trần Thị N là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ hay uống rượu về nhà đánh bà N, mâu thuẫn ngày càng nhiều đến tháng 10 năm 2020 ông Đ và bà N ly thân với nhau cho đến nay. Nay bà N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ con chung: Bà N xác định trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông Đ có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 2002 và

cháu Nguyễn Kh, sinh ngày 01/11/2009. Hiện tại cháu Lon đã trưởng thành nên bà N không có yêu cầu gì; Đối với cháu Kh hiện tại đang sống với bà N nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Kh và bà không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với ông Đ nhưng ông Đ không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với ông Đ được. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật cho ông Đ. Chính quyền địa phương xác định: Ông Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ẤpTl, xã L, huyện H, tỉnh B và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu ông Đ có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; Về nội dung: Sau khi phân tích yêu cầu khởi kiện, những quy định của pháp luật, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Kh, sinh ngày 01/11/2009 cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông Nuôi được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Về quan hệ tài sản: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại ẤpTl, xã L, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà N. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn Đ, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục nhưng đến nay ông, bà chưa có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ hay uống rượu về nhà đánh bà N, mâu thuẫn ngày càng nhiều đến tháng 10 năm 2020 ông Đ và bà N ly thân với nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Bà N xác định trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông Đ có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Kh, sinh ngày 01/11/2009. Hiện tại cháu Lon đã trưởng thành nên bà N không có yêu cầu gì; Đối với cháu Kh hiện tại đang sống với bà N nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Kh và bà không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Kh hiện đang sống ổn định với bà N, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định. Đồng thời, cháu Kh có nguyện vọng theo sống cùng bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Kh, sinh ngày 01/11/2009 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kh, sinh ngày 01/11/2009 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải nộp số tiền là 300.000 đồng nhưng bà N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006066 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Tám